

Bản án số : 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày : 29/8/2024

“*V/v tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH - GIA LAI
Với Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo
- Các Hội thẩm nhân dân: + Hoàng Thị Bình;
+ Nguyễn Thị Kim Hậu.
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Nữ Hương Giang
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh – Gia Lai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Diệp

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử TAND huyện Chư Păh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2024/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp: Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1965 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đại An 2, xã Ia Khươl, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- Bị đơn: Ông Lê Phước Th, sinh năm 1964 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đại An 2, xã Ia Khươl, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 01 năm 2024 của bà nộp ngày 24 tháng 01 năm 2024, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Bà và ông Lê Phước Th tự nguyện tìm hiểu nhau một thời gian và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Chánh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào ngày 10/12/1984. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, dù gia đình đã khuyên

nhủ nhưng ông Th vẫn không quay về nên ông bà đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Phước Th.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung: Lê Thị Giao L, sinh năm 1986; Lê Phước Bì, sinh năm 1987; Lê Thị Thùy Tr, sinh năm 1990; Lê Phước H, sinh năm 1993. Các con đã trưởng Th có cuộc sống tự lập riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Ông bà tự thỏa thuận giải quyết với nhau, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

- *Đối với bị đơn ông Lê Phước Th:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc nêu ý kiến đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Th đều không đến làm việc, không cung cấp cho Tòa án các văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn bà Lê Thị B đối với bị đơn ông Lê Phước Th có địa chỉ Thôn Đại An 2, xã Ia Khrol, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Phước Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Lê Phước Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn tại UBND xã Đại Chánh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào năm 1984. Việc kết hôn của anh chị đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân ông bà mâu thuẫn là vào năm 2020 do ông Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, dù gia đình đã khuyên nhủ nhưng ông Th vẫn không quay về nên ông bà đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông Th không lên Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến cho Tòa án, thể hiện ông Th không có thiện chí hàn gắn tình cảm để cùng bà B đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B xin ly hôn với ông Lê Phước Th.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung: Lê Thị Giao L, sinh năm 1986; Lê Phước Bì, sinh năm 1987; Lê Thị Thùy Tr, sinh năm 1990; Lê Phước H, sinh năm 1993

Vì các con đã trưởng Th có cuộc sống đảm bảo tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Bà Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Lê Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B;

1.1 Về hôn nhân: Bà Lê Thị B được ly hôn với ông Lê Phước Th;

1.2 Về con chung: Ông bà có 04 con chung: Lê Thị Giao Linh, sinh năm 1986; Lê Phước Bình, sinh năm 1987; Lê Thị Thùy Trang, sinh năm 1990; Lê Phước Hoàng, sinh năm 1993

Vì các con đã trưởng thành có cuộc sống tự lập đảm bảo rồi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Bà Lê Thị B không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp trước đây theo biên lai số 0008178 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh. Bà Lê Thị B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2024), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS huyện Chư Păh;
- Chi cục THADS huyện Chư Păh;
- UBND xã Đại Chánh, H. Đại Lộc
Tỉnh Quảng Nam.
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Bảo

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa